

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH**

Số: 2953/2023/QĐST-DS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Thủ Đức, ngày 11 tháng 8 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 95/2023/TLST – DS ngày 17/01/2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A

Trụ sở: 02 H, phường T, Quận Đ, Thành phố N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông D – Giám đốc Công ty A

Ông D ủy quyền lại cho ông T - Giám đốc Phòng giao dịch Số 6 trực thuộc Công ty A theo Giấy ủy quyền số 1334/NHNo-ĐSG ngày 20/12/2022.

2. Bị đơn: Ông T1, sinh năm 1995

CMND/CCCD số: 061042140, ngày cấp: 21/11/2014, nơi cấp: CA tỉnh Y.

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Phường N, thành phố Y, tỉnh Y.

Tạm trú: 1056/2/25 Đường 43, Khu phố 8, Phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông S, sinh năm 1992

CMND số 191 758 594, ngày cấp 23/07/2013, nơi cấp CA tỉnh T

Địa chỉ thường trú tại: 05 N, phường Th, thành phố H, tỉnh A.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Ông T1 xác nhận còn nợ Công ty A theo Hợp đồng tín dụng số 6280LAV201902409 ngày 26/12/2019, số nợ tạm tính đến ngày 18/7/2023 là 2.282.932.286 (Hai tỷ hai trăm tám mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai nghìn hai

trăm tám mươi sáu) đồng bao gồm: nợ gốc 1.858.390.000 đồng, nợ lãi trong hạn 415.179.774 đồng và nợ lãi quá hạn 9.362.512 đồng.

Ông T1 cam kết thanh toán toàn bộ số nợ trên cho Công ty A trong thời hạn 10 (Mười) tháng, hạn chót thanh toán là ngày 03/6/2024.

Ông T1 còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính từ ngày 19/7/2023 đến ngày trả hết nợ gốc và nợ lãi.

Ngay khi ông T1 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Công ty A có trách nhiệm hoàn trả cho ông S giấy tờ bản chính về tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS613965, số vào sổ cấp GCN: CS10185 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2019 cho ông S.

Trường hợp ông T1 không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trên thì Công ty A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 6280-LCP-201902421 được Văn phòng Công Chứng T chứng nhận ngày 27/12/2019, hợp đồng thế chấp đã đăng ký và được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai Thị Xã n, tỉnh Bìg chứng nhận đăng ký ngày 27/12/2019.

Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất ở tại Khu phố N, phường G, thị xã T, tỉnh B, diện tích 82,3m² theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CS613965, số vào sổ cấp GCN: CS10185 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2019 cho ông S.

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 38.829.323 (Ba mươi tám triệu tám trăm hai mươi chín nghìn ba trăm hai mươi ba) đồng, ông T1 chịu. Hoàn lại cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.154.795 (Ba mươi bảy triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0007700 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Ông T1 chưa nộp án phí.

Ông T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Do Công ty A đã tạm ứng số tiền này nên ông T1 có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty A số tiền 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Ngọc Phú